

Bản án số: 41/2021/HS-PT

Ngày 17-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán và ông Phạm Ngọc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 44/2021/TLPT-HS ngày 05/10/2021 đối với bị cáo Triệu Thị L do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: Triệu Thị L, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1988 tại: Huyện B, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Quý C (đã chết); Con bà Đặng Thị S; Có chồng là Bùi Văn L và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị L: Ông Nguyễn Xuân T1, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Bị hại: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Thị trấn Y, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phí Công H. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Gia L. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/3/2006, ông Lù Nụ C và vợ là Tráng Thị C1 được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 744614 giao quyền sử dụng thửa đất số 7, tờ bản đồ số 4 địa chỉ thửa đất TK520 – 1 với diện tích 77542,0 m² mục đích sử dụng đất R.Tn.P trong thời hạn từ tháng 08/2001 đến tháng 8/2051. Đầu tháng 02/2020, ông Lù Nụ C bán cho Triệu Thị L 02 ha đất rừng trong tổng số diện tích trên với giá 26 triệu đồng.

Khoảng đầu tháng 3/2020, L nảy sinh ý định phá diện tích rừng đã mua của ông Chó để trồng cây quế. L gặp một nhóm 04 người phụ nữ và 02 người đàn ông không quen biết, trong đó có 01 người đàn ông mang theo máy cưa xăng, những người còn lại mang theo dao tay, dao phát nên đã hỏi nhóm người này phát rừng thuê. L thỏa thuận tiền công cho người mang máy cưa xăng là 300.000 đồng/ngày, những người mang dao là 200.000 đồng/ngày rồi dẫn nhóm người này đến khu vực đất rừng đã mua của ông Chó để chỉ ranh giới để nhóm người này phát phá. Chiều ngày hôm sau, nhóm người phát phá xong diện tích trên, L thanh toán tiền công cho nhóm người này hết 1.950.000 đồng. Đến tháng 5/2020, khi thấy cây rừng bị phát phá đã khô, L mang bật lửa đốt dọn nhưng do chưa có tiền để trồng cây quế nên L đi khỏi địa phương để làm ăn. Ngày 26/8/2020, Hạt Kiểm lâm huyện B phát hiện và tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại rừng với diện tích 12.940m².

Kết luận giám định số 18 ngày 19/10/2020 của Hội đồng giám định tư pháp tập thể thuộc Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai kết luận: Vị trí địa danh: khu rừng bị phá có tọa độ đại diện X= 464484, Y= 2430661, tại lô 10, khoảnh 01, tiểu khu 520 xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai, diện tích thiệt hại: 12.940m²; Thiệt hại về lâm sản: Số lượng cây gỗ bị chặt là 269 cây, trữ lượng là 51,973m³ (tính trừ lượng bình quân trên 1 ha là 40m³) thuộc nhóm IV đến nhóm VIII và gỗ SP không xác định tên, và 2.148 cây vầu; lô rừng bị phá có nguồn gốc là “rừng tự nhiên”; loại rừng: rừng vầu tự nhiên núi đất; trạng thái rừng là “rừng nghèo (thưa)”; chức năng: rừng tự nhiên sản xuất; chủ quản lý: hộ gia đình; tổ chức giám định không đủ điều kiện để đánh giá cụ thể ảnh hưởng của việc phá rừng trái pháp luật đến môi trường sinh thái.

Ngày 15/3/2021, Triệu Thị L đến Hạt kiểm lâm huyện B đầu thú khai nhận hành vi phá rừng và đề nghị được kiểm tra lại diện tích đã phát phá. Ngày 19/3/2021, Hạt kiểm lâm huyện B đưa Triệu Thị L đi kiểm tra lại diện tích rừng L khai nhận đã hủy hoại. Kết quả kiểm tra xác định diện tích L đã thuê người phát phá là 11.143m², lâm sản thiệt hại là 256 cây gỗ từ nhóm IV đến nhóm VIII trữ lượng là 46,143m³ và 1.849 cây vầu trong tổng số diện tích rừng và lâm sản thiệt hại đã được lực lượng chức năng xác định theo biên bản khám nghiệm hiện trường và trưng cầu giám định. Diện tích còn lại là 1.797m² và lâm sản thiệt hại là 13 cây gỗ từ nhóm IV đến nhóm VIII, trữ lượng 5,831m³ và 299 cây vầu, Triệu Thị L không thừa nhận đã thuê người phát phá.

Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 05/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên sản xuất, với diện tích 11.143m² là 98.313.565 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Triệu Thị L phạm tội: “*Hủy hoại rừng*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Thị L 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng trong tổng số tiền phải bồi thường 98.313.565 đồng. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 48.313.565 đồng (*Bốn mươi tám triệu ba trăm mười ba nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng*) cho UBND huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng và tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 309/QĐ-VKS-VB kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng không cho bị cáo Triệu Thị L được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Triệu Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, xử phạt bị cáo Triệu Thị L 03 (ba) năm tù, không cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét Bản án sơ thẩm quyết định về hành vi phạm tội và mức hình phạt đối với bị cáo Triệu Thị L.

Tại phiên tòa sơ thẩm thẩm và phúc thẩm, bị cáo Triệu Thị L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản đầu thú; Biên bản vi phạm hành chính; Biên bản kiểm tra hiện trường; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận giám định về rừng; Kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có đất để trồng cây quế có hiệu quả kinh tế cao nên vào khoảng đầu tháng 3/2020 bị cáo Triệu Thị L đã mua một phần đất của ông Lù Nụ Chớ và vợ là Tráng Thị Chư được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 744614 giao quyền sử dụng thửa đất số 7, tờ bản đồ số 4 địa chỉ thửa đất TK520 – 1, rồi thuê người phát phá 11.143m² trong đó có 256 cây gỗ từ nhóm IV đến nhóm VIII và 1.849 cây vầu rừng thuộc rừng tự nhiên sản xuất tại lô 10, khoảnh 01, tiểu khu 520 xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai để trồng cây quế, gây thiệt hại về lâm sản là 98.313.565 đồng. Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự về tội “Hủy hoại rừng” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 50 triệu đồng. Bị cáo đã khắc phục trồng lại toàn bộ diện tích rừng bị hủy hoại (Có xác nhận của UBND xã T, huyện B). Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Ủy ban nhân dân huyện B có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đã được Bản án sơ thẩm xem xét áp dụng đầy đủ và xử phạt Triệu Thị L mức án 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

[3.1] Đối với kháng nghị cho rằng bản án sơ thẩm áp dụng các tình tiết điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử bị cáo với mức án đầu khung hình phạt là phù hợp nhưng lại tiếp tục áp dụng cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp.

Xét thấy, diện tích rừng mà bị cáo chặt phá là rừng tự nhiên sản xuất có Trạng thái là rừng nghèo (Thưa), diện tích rừng hủy hoại là 11.143m², sát với diện tích rừng ở mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là 10.000 m². Bị cáo bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự là người dân tộc thiểu số, thiếu hiểu biết pháp luật

(Nghĩ đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có quyền quyền khai phá để trồng mới), sống trong vùng đặc biệt khó khăn, thực hiện hành vi hủy hoại rừng nhằm trồng cây quế có giá trị kinh tế cao hơn, để phát triển kinh tế gia đình. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 50 triệu đồng. Bị cáo đã khắc phục trồng lại toàn bộ diện tích rừng bị hủy hoại (có xác nhận của UBND xã T, huyện B). Hiện sức khỏe yếu, thường xuyên phải đi điều trị tại cơ sở y tế, bản thân bị cáo và chồng sống ly thân từ đầu năm 2019, bị cáo một mình nuôi 2 con nhỏ. Được người đại diện theo ủy quyền của bị hại Ủy ban nhân dân huyện B có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (Bị cáo có 4 tình tiết giảm nhẹ) đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng đầy đủ và xử phạt Triệu Thị L mức án 3 năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[3.2] Đối với kháng nghị cho rằng sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra.

Xét thấy, quá trình điều tra bị cáo đều trình bày: sau khi phát phá rừng, do thiếu tiền mua cây giống để trồng nên bị cáo đã đi làm thuê để lấy tiền mua cây giống. Bị cáo không biết việc phát phá rừng để trồng cây là vi phạm pháp luật. Việc trình bày của bị cáo là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với diễn biến của vụ án nên không có căn cứ để xác định bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra.

[4] Đối với ý kiến của đại diện UBND xã T, huyện B: Xét thấy, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt (bút lục 261), ông Văn Gia Lâm – Chủ tịch UBND xã T được ủy ban nhân dân huyện B đã đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo Triệu Thị L được hưởng án treo, UBND xã sẽ có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm UBND xã T lại có Văn bản số 44/UBND-TH ngày 13/9/2021 xác định bị cáo Triệu Thị L thường vắng mặt tại địa bàn, đi làm ăn xa không rõ nơi đến, không báo cáo chính quyền địa phương, gây khó khăn cho công tác quản lý tại địa bàn và đề nghị Tòa án xem xét buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt tù giam. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Văn Gia Lâm – Chủ tịch UBND xã T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xin rút lại công văn 44/UBND-TH ngày 13/9/2021 và vẫn xác nhận từ khi bị cáo L bị khởi tố về hành vi hủy hoại rừng đến nay bị cáo không đi khỏi địa phương và vẫn chấp hành pháp luật tốt. Lời trình bày của ông Lâm tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo và phù hợp với ý kiến xác nhận của Trưởng thôn, Trưởng công an xã và Trưởng ban mặt trận xã T nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét thấy, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B về việc không cho bị cáo Triệu Thị L được hưởng án treo.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 26/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện B như sau:

Tuyên bố bị cáo Triệu Thị L phạm tội: “*Hủy hoại rừng*”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Thị L 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Sở Tư pháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Lào Cai;
- CQTHAHS CA H. B;
- CQĐT CA H. B;
- TAND H. B;
- VKSND H. B a;
- Chi cục THADS H. B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ – AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa

